

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA HUYỀN NGHĨA

QUYỂN 4 (HẠ)

Năm hạnh viên mãn là như Đại kinh nói: “Lại có một hạnh là hạnh của Như Lai, đó nghĩa là đại thừa Đại Bát Niết-bàn”. đại thừa này là nhân viên mãn. Niết-bàn là quả viên mãn. Ở đây nêu ra hạnh của Như Lai chẳng phải hạnh của Thông giáo và Biệt giáo, Lục độ v.v... Trước tuy gọi đại thừa mà không thể vận chuyển viên mãn, tuy gọi Niết-bàn mà chỉ vượt qua chữ Trà “có thể nói” chỉ là hạnh của Bồ-tát chứ không thể gọi là nhất hạnh của Như Lai. Nếu hạnh viên mãn thì đầy đủ mười pháp giới tức một sự vận chuyển mà tất cả đều vận chuyển đó chính là đại thừa tức chuyên chở Phật thừa cho nên gọi là hạnh Như Lai. Như Đại Luận nói “từ “sơ phát tâm” thường quán sát Niết-bàn hành đạo”. Cũng như Đại Phẩm nói “từ sơ phát tâm, là từ hạnh sanh khởi tu cho đến ngồi ở đạo tràng, cũng hạnh sanh khởi tu. Tâm cuối cùng và sơ phát tâm không có sai biệt đều là ý hạnh của Như Lai. Kinh này nói rõ hạnh An lạc thì An lạc chính là Niết-bàn, là quả viên mãn còn hạnh tức là nhân viên mãn tương đồng với nghĩa Niết-bàn cho nên gọi là hạnh của Như Lai. Việc vào nhà, mặc áo, ngồi tòa thấy đều xứng với Như Lai. Đây là căn cứ ở người mà nói, và Niết-bàn là căn cứ ở pháp mà nói. Nếu căn cứ ở người mà luận về pháp thì Như Lai tức là Niết-bàn, còn căn cứ ở pháp mà luận về người thì Niết-bàn tức là Như Lai. Như vậy nghĩa của hai kinh đều đồng nhau. Kinh Niết-bàn liệt kê tên gọi của nhất hạnh nhưng rộng giải thích thứ tự cả năm hạnh, kinh Pháp Hoa chỉ nêu ra hạnh an lạc nhưng rộng giải thích ý viên mãn. Nay y cứ vào Pháp Hoa để giải thích năm hạnh viên mãn tức năm hạnh ở trong một tâm” đầy đủ không khuyết cho nên gọi là hạnh của Như Lai. Văn kinh nói “Như Lai trang nghiêm nhưng tự trang nghiêm” tức là Thánh hạnh viên mãn “Nhà của Như Lai” tức là phạm hạnh viên mãn; “tòa của Như

Lai” tức là “thiên hạnh” viên mãn, “y của Như Lai” có hai loại: Như hòa tức là Anh nhi hạnh viên mãn, nhĩ nhục tức là “Bệnh hành” viên mãn. Năm loại hạnh này tức là một hạnh thực tướng. Do một không tạo ra năm và năm chẳng tạo ra một, chẳng phải chung, chẳng phải lia, không thể nghĩ bàn nên gọi là “một và năm hạnh” Thế nào gọi “trang nghiêm” là hạnh của bậc Thánh? Văn kinh nói “gìn giữ giới thanh tịnh của Phật”, giới của Phật tức là giới viên mãn”. Lại nói hiểu biết sâu sắc về tướng của tội phước chiếu khắp cả mười phương: Tức tội, tức phước mà thấy Thật tướng thì gọi là “hiểu biết sâu sắc”. Vì tâm Thật tướng là mười mười não loạn v.v... nên đều là giới viên mãn. Phật tự trụ ở đại thừa như chỗ đắc pháp của mình mà dùng lực định, tuệ trang nghiêm tức định, tuệ trang nghiêm của Phật cho nên gọi là Thánh hạnh của Phật. Thế nào nói nhà của Như Lai tức là Phạm hạnh? Vì “Vô duyên từ bi” có thể làm nơi y chỉ của pháp giới như nam châm thu hút khắp khiến không có vật gì thích ứng mà không dung nạp vào. Lại dùng hồng thệ nguyện, thần thông, trí tuệ dẫn dắt khiến được trụ vào trong pháp này, cho nên dùng nhà Như Lai làm phạm hạnh. Thế nào dùng tòa Như Lai làm “Thiên hạnh”? Vì Diệu lý Thật tướng của “Đệ nhất nghĩa thiên” là thầy của chư Phật, là chỗ đồng an nghỉ của tất cả Như Lai. Do đó, văn kinh nói “quán sát tất cả pháp đều “không”, không động, không thối lui, cũng không phân biệt pháp thượng, trung, hạ, hữu vi, vô vi, thật và không thật”. Tòa của Như Lai tức là “Thiên hạnh”. Thế nào gọi y của Như Lai là “Anh nhi hạnh” và Bệnh hành? Vì ngăn cản sự nói năng và sự tĩnh lặng cho nên gọi là nhĩ nhục, vì cùng chiếu soi hai đế cho nên gọi là nhu hòa. Văn kinh nói “thường vì người hạ liệt mà nhĩ nhục việc này liền cởi chuỗi châu anh lạc mà mặc áo dơ rách nghĩa là đồng với hành bệnh. “Phương tiện gần gũi” tức là đồng với “Anh nhi hạnh”. Lại nữa, quán sát mười pháp giới vắng lặng tức là tòa của Như Lai nên gọi là “Thiên hạnh”. Do trừ bỏ tánh, tướng của chín pháp giới cho nên khởi tâm bi và do đem lại sự an vui của một pháp giới nên khởi tâm từ tức là “phạm hạnh”. Nếu nhu hòa chiếu soi tánh, tướng thiện tức đồng với “Anh nhi hạnh”, còn chiếu soi tánh tướng ác tức đồng với “Bệnh hành”. Lại nữa, nếu chiếu soi tánh tướng thiện tức là giới, còn chiếu soi vắng lặng tức là định tuệ, cũng chính là “Thánh hạnh”. Nên biết, Nhất tâm chiếu soi mười pháp giới tức đầy đủ năm hạnh. Lại nữa, năm hạnh của nhất tâm tức là Tam muội của ba đế. Thánh hạnh tức là Tam muội của Chơn đế “phạm hạnh”, “Anh nhi” hạnh, bệnh “hạnh” là Tam muội của Tục đế. “Thiên hạnh” tức là Tam muội vương của Trung đạo. Lại nữa,

viên mãn Tam muội của ba đế nghĩa là phá sạch hai mươi lăm cõi tức là “không”, phá sạch ác nghiệp, Kiến, Tư v.v... của hai mươi lăm cõi tức là “Giả”, phá sạch vô tri của hai mươi lăm cõi tức là trung đạo; phá sạch vô minh của hai mươi lăm cõi tức là một mà ba, ba mà một. Do một không tức tất cả không, một giả tức tất cả Giả, một Trung đạo tức tất cả trung đạo cho nên gọi là hạnh của Như Lai. Lại nữa nhà của Như Lai bao trùm khắp pháp giới với lực thiện căn từ mà không động đến chơn tế, hòa nhập chiếu soi các trần cấu dùng từ bi của Bệnh hạnh hóa độ thích ứng: Thị hiện nhiều loại thân như cầm như điểu, nói nhiều thứ pháp như si như cuồng. Trong đó, nếu có cơ duyên sanh thiện thì dùng từ bi của Anh nhi hạnh thích ứng hóa độ: Thị hiện Bà-hòa, cây, trâu, lá dương liễu, nếu người có căn cơ nhập vào Không thì dùng từ bi của Thánh hạnh để hóa độ sao cho thích ứng: Cầm lấy đồ hốt phân với bộ dạng đáng nể sợ; nếu người có căn cơ nhập vào “Giả” thì dùng từ bi của phạm hạnh hóa độ thích ứng với lực thiện căn thấy rõ sự việc như: ngồi tòa sư tử, ghé bấu đỡ chân, người buôn bán chuyển đến nước khác, của cải cho ra và thâu vào v.v... lợi tức vô hạn, nếu người có căn cơ nhập vào Trung đạo thì dùng từ bi của “Thiên hạnh” hóa độ thích ứng cũng như ngựa chạy nhanh thấy bóng roi liền đi vào đường thẳng đứng, nên không gặp nạn, không trước không sau, không có sai biệt. Nói pháp không phân biệt tức là các pháp xưa nay vốn mang tướng vốn thường vắng lặng, viên mãn thích ứng với các căn cơ như cây đàn cầm của A-tu-la. Nếu từ từ dẫn vào Viên giáo thì như trước đã nói. Nếu nhanh chóng vào Viên giáo thì như chỗ nói nhập chứng v.v... của Viên giáo không có sai biệt. Vì hiển bày cửa nhập vào ban đầu của Viên giáo và Biệt giáo nên dùng lực thiện căn “từ” khiến người nhanh, chậm bước vào đều thấy cũng như thuyết này v.v... Lại nữa năm hạnh viên mãn tức là trí, hành của bốn loại mười hai nhân duyên không thể nghĩ bàn: Thức, danh sắc đều thanh tịnh tức Thánh hạnh thuộc giới, hữu đều thanh tịnh tức Thánh hạnh thuộc định, vô minh, ái đều thanh tịnh tức Thánh hạnh thuộc tuệ. Đây chính là mười hai nhân duyên tịch diệt. Lại nữa, không có “ba loại mười hai nhân duyên diệt trước” tức là thiên hạnh, có thể đồng với ba loại “mười hai nhân duyên trước” tức là Anh nhi hạnh, đồng với “mười hai nhân duyên sanh ở trước” tức là “bệnh hạnh”. Lại nữa đây là trí hành của bốn loại Tứ đế: Đạo của Vô tác tức là Thánh hạnh thuộc giới, định, tuệ, Diệt của vô tác tức là Thiên hạnh. Từ bi bạt khổ nghĩa là bạt trừ bốn loại khổ và ban bố bốn thứ an vui tức Phạm hạnh; tâm bi thẳng thắn tức là bệnh hạnh, tâm từ thẳng thắn tức là Anh nhi hạnh. Lại

nữa, đó chính là trí, hành của bảy loại nhị đế: Phương tiện chơn thật và viên mãn tức là Thánh hạnh, lý chơn thật viên mãn tức là thiên hạnh, tâm bi với bảy tục tâm từ với bảy thiện tức là phạm hạnh, đồng bảy tục tức là bệnh hạnh, đồng với bảy chơn tức là “Anh nhi hạnh”. Lại nữa đó là trí hành của “năm loại Tam đế”: thiện trong Tục đế là Thánh hạnh thuộc giới, thiện ở trong Chơn đế là định hành của bậc Thánh; tuệ của Chơn đế là Thánh thuộc tuệ, trung đạo đế là Thiên hạnh, bạt trừ khổ của năm loại Tục đế và đem lại an vui của năm loại Chơn đế tức là Phạm hạnh, đồng với khổ của năm loại Tục đế là Bệnh hạnh, đồng với niềm vui của năm loại Chơn đế tức là Anh nhi hạnh. Lại nữa đó là trí hành của một Thật đế: Một Thật đế có đạo cộng giới và định tuệ tức là Thánh hạnh, cảnh của một Thật đế tức là thiên hạnh, đồng với thể từ bi mà hợp nói tức là phạm hạnh, riêng biệt nói tức là Bệnh hạnh, Anh nhi hạnh.

Quán tâm viên mãn năm hạnh nghĩa là hạnh viên mãn không thể xa cầu chỗ khác mà chính ở trong tâm. Nhưng trong tất cả các pháp thấy đều có tánh an lạc nên ngay nơi quán tánh tâm gọi là “thượng định”. Tâm tánh tức là Không, là Giả, là Trung đạo. Năm hạnh, ba đế và tất cả Phật pháp đều có đầy đủ trong tâm. Tâm ban đầu như điều này mà hành hạnh Như Lai “nên dùng sự cúng dường của Như Lai mà cúng dường đó rồi tùy phương hướng mà đảnh lễ cho đến xây dựng tháp”. Do đã có xá lợi toàn thân cho nên tâm ban đầu còn như vậy hưởng hồ tương tự lãnh hiểu và nhập, trụ? Kinh Địa trì nói “từ tự tánh thiên phát ra tất cả thiên, có ba loại: 1. Thiên an vui trong pháp hiệp tại tức là Tam muội trong “tuệ Không Thật tướng”; 2. Xuất sanh Nhất thiết chủng tánh Tam-ma-bạt-đề nghĩa là xả, trừ (khi nan) nhập v.v... của hàng nhị thừa tức Tam muội của Chơn đế; 3. Thiên làm lợi ích cho chúng sanh tức Tam muội thuộc Tục đế. Nên biết năm hạnh, ba đế ở trong tất cả thiên thấy đều thành tựu tức là phần vị “Sơ trụ”. Khi đi vào địa vị này thì nơi đâu cũng là Phật pháp tức hành của tâm viên mãn đâu cùng với thứ tự của năm hạnh trước giống nhau! Nên biết thứ tự là thô còn nhất hạnh chứa tất cả hạnh là diệu tức ý đối đãi lẫn nhau. Nếu khai mở thô hiển bày diệu thì không có thô có thể đối đãi tức mang ý tuyệt nhiên không đối đãi của diệu hạnh.

Hỏi: Pháp Hoa khai mở thô thì thô đều nhập vào diệu, ý gì của Niết-bàn thế lại nói năm hạnh thứ tự?

Đáp “Pháp Hoa là Phật vì người đời mà phá quyền để nhập vào thật không còn có giáo thô để chỉnh sửa. Niết-bàn là thời pháp sau cuối:

Hàng phàm phu do bệnh Kiến Tư nặng nề, chấp vào một thật mà phủ báng phương tiện, tuy uống nước cam lồ mà không có khả năng trực nhận “tức sự là thật”, tuệ mạng muốn bị thương tổn giảm sút cho nên đề cao giới, định, tuệ hiển bày Đại Niết-bàn. Nếu người hiểu được ý của Pháp Hoa tức đối với Niết-bàn không dùng đến hành thứ tự.

- Nói về địa vị Diệu, tức nêu ra đế lý bao dung và trí viên mãn không có ngăn cách, dẫn dắt hành thành tựu, ba nghĩa Diệu. Đã hiển bày thể, tông, dụng đầy đủ, nay tiếp tục nói rõ vị Diệu tức là cơ sở của hành. Tuy nhiên, vị có Quyền và Thật có ở khắp trong các kinh luận. Như luận Thành Thật và Tỳ-đàm phán quyết vị nói không hợp đại thừa, Địa luận và Nhiếp luận v.v... phán định vị, trình bày nghĩa chỉ một hướng không bao quát tất cả. Các kinh Phương Đẳng nêu rõ vị: Kinh Anh Lạc đã phán định sâu và cạn. Các kinh Bát-nhã nói rõ địa vị, Kinh Nhân Vương chuyên đàm luận về “cao, thấp” nhưng chưa rõ ràng thô và diệu. Nay tên vị của kinh đây tuy không rõ ràng nhưng ý bao hàm cả đại thừa và tiểu thừa và chỉ tạm phán định trên “thật” và “quyền”. Tuy nhiên, Phạm văn không chuyển tải hết ý vốn có trong bản kinh. Nay phẩm Được Thảo Dụ chỉ nêu ra sáu vị. Kệ văn kinh nói “các chuyển Luân Thánh Vương, và Vua trời Thích Phạm, đó là cỏ thuốc nhỏ; hoặc rõ pháp vô lậu, hay chứng đặng Niết-bàn... ở riêng trong núi rừng... chứng được bậc Duyên giác là cỏ thuốc bậc trung; hoặc cầu bực Thế Tôn, ta sẽ đặng thành Phật, tu hành tinh tấn định, là cỏ thuốc bậc thượng, lại có hàng Phật tử, chuyên tâm nối Phật đạo, thường thực hạnh từ bi, tự biết mình làm Phật, quyết định không còn nghi, gọi đó là cây nhỏ, hoặc an trụ thần thông, chuyển pháp luân bất thoái, độ vô lượng muôn ức, trăm nghìn loài chúng sanh... gọi đó là cây lớn”. Trong văn trường hàng phẩm này nói “dấu rằng một cõi đất sanh, một trận mưa thấm nhuần” và văn sau nói “nay ta sẽ nói cho ông nghe về sự thật tối thượng” tức là địa vị thứ sáu. Ba nghĩa trước là địa vị của Tam tạng giáo: Cây nhỏ là địa vị của Thông giáo, cây lớn là địa vị của Biệt giáo, sự thật tối thượng là địa vị của Viên giáo. Địa vị cỏ nhỏ là cõi Trời và người. Luân vương là chủ của cõi người. Thích Phạm là chủ của cõi trời tức đều ước định quả báo mà nói rõ nghĩa quả vị, vốn đã có hơn và kém nên biết nhân tu phải có sâu và cạn. Nhân của địa vị người tức là tu trì năm giới. Nay lược nói chia làm bốn phẩm: Hạ phẩm thì làm Thiết Luân Vương cai quản một thiên hạ, trung phẩm thì làm Đồng Luân Vương cai quản hai thiên hạ, thượng phẩm thì làm Ngân Luân Vương cai quản ba thiên hạ, thượng thượng phẩm thì làm Kim Luân Vương cai quản bốn châu thiên

hạ. Những cấp vị này do tâm tán loạn trì giới, và dùng tâm từ khuyến khích người khác nên nhờ phước đó mà được quả báo làm chủ cõi người bay đi khắp nơi đức độ quy tụ bốn phương các báu vật thần tự nhiên ứng hiện.

Địa vị Trời tức tu mười thiện nghiệp vận dụng tự nhiên thuần thực, đều chung là nhân cõi trời lại gia tăng tu thiện định để tiến lên cảnh giới trên. Quả của cõi trời thuộc ba cõi có cao thấp bất đồng nên tu nhân cũng có sâu, cạn khác biệt. Kinh Chánh Pháp Niệm nói “có sáu vạn ngọn núi bao quanh núi Tu di. Bốn phía núi Tu di có trời Trì Mạn có mười trú xứ với mỗi trú xứ dài rộng một ngàn do tuần. Bốn trú xứ ở phương Bắc và các phương còn lại mỗi trú xứ có hai vị trời cai quản. Phía Nam một là Bạch-ma-ni có khả năng trong khoảng khắc mười cái vỗ tay liền thọ nhận Tam quy y. Nếu tâm không có tạp nhiễm khác thì sanh lên cõi trời này mà thọ nhận sự an vui. Chuyển Luân Vương với niềm vui tăng gấp mười sáu lần không bằng một phần ở đây. Các nhạc cụ từ núi sông lưu xuất ra. Hai là Tuấn Nhai xưa kia ở trong sông tạo lập thuyền bè và cầu đưa người trì giới qua sông và cứu giúp người khác, không tạo các điều ác nên quả báo có thể biết. Ở phía Tây cũng có hai vị” Một tên Quả Mạng xưa kia ở trong đời đói khát trì giữ tịnh giới thanh tịnh làm trong sạch thân khẩu, ý chỉ trồng cây lấy quả cho người tu hành ăn, do vậy nay được sự an vui đầy đủ, Hai là “Bạch Công Đức” xưa kia dùng hoa Mạn-đà-rã cúng dường Phật và tháp miếu. Đông phương cũng có hai vị: Một là Nhất Thiết Hỷ xưa kia dùng hoa cúng dường Phật và người trì giới, tự lực đem tài vật đổi lấy hoa để cúng nên quả báo có thể biết, Hai là Hành Đạo xưa kia thấy lửa lớn nổi lên thiêu đốt chúng sanh nên dùng nước để dập tắt lửa mà nay được quả báo ấy v.v... Bốn vị của phương Bắc tức là: 1. Ái dục; 2. Ái cảnh giới; 3. Ý động; 4. Du hý lâm.

Vị đầu tiên thấy bạn thân hoặc, người khác đang xích mích nhau, bèn hòa giải sự tranh tụng của họ nên được sanh vào cõi trời này. Lại nữa xưa kia ở trong pháp hội, dùng tín tâm thanh tịnh cúng dường chúng tăng và quét dọn tháp miếu nên xây dựng niềm tin bền vững đối với ruộng phước thiện. Lại nữa xưa kia trì giữ tín tâm thanh tịnh bố thí y, một quả trái cây, hoặc vì may y thượng hạng mà yêu thích tùy hỷ cho Tăng.

Vị trời thứ hai gọi là Ca-lưu-ba-đà thiên được dịch là “dấu chân voi” cũng có mười xứ: 1. Đi trên hoa sen tức nhờ xưa kia trì giới và huân tập tâm thọ nhận tam quy cất tiếng Nam mô Phật, nhỏ như tiếng ong mà quả báo còn vượt trội hơn cõi trời khác huống hồ lại là quả báo khác!; 2.

Thắng phong hoan hỷ tức nhờ xưa kia tín tâm trì giới với tâm từ bi làm lợi ích cho chúng sanh và dùng hương hoa, kỹ nhạc cúng dường tháp Phật; 3. Diệu thính tức nhờ xưa kia bố thí bảo cái cho Phật; 4. Hương lạc tức nhờ xưa kia nhờ vào tín tâm trì giới và dùng hương thoa lên tháp của Phật; 5. Phong hành tức nhờ xưa kia tín tâm trì giới và bố thí quạt cho tăng chúng mà được trong mát sáu “gió hương” của Trời thổi đều đến xông ướp, làm tăng lên gấp nhiều lần Gió hương còn như vậy hướng hồ nhớ nghĩ về gió hương theo niệm đều đạt được; 6. Tán hoa hoan hỷ tức nhờ xưa kia thấy người trì giới, khi thuyết giới, bố thí bình nước tắm rửa, hoặc gặp giữa đường đem nước thanh tịnh mà cúng dường đầy đủ; 7. Phổ quán tức nhờ xưa kia đối với người trì giới, dùng tâm thiện huân tập; đối với người phá giới người bệnh không cần ân huệ, dùng tâm thương xót mà bố thí sự an vui không có nhàm chán và thường cung dường người bệnh; 8. Thường hoan hỷ tức nhờ xưa kia thấy người phạm pháp phải mắc tội chết nên dùng tài vật và cả mạng sống của mình khiến người kia thoát chết; 9. Hương dượ tức nhờ xưa kia trì giới và kính tin Tam bảo. Ở trong ruộng phước lớn dùng hương xoa, hương bôi với tâm thanh tịnh mà cúng dường như pháp được tài thí rồi tùy hỷ; 10. Quân đầu” tức nhờ xưa kia thấy người bị mắc tội với vua sẽ bị tử hình bèn dùng tính mạng của mình để chết khiến người ấy thoát khỏi tội.

Cõi trời thứ ba được gọi là Thường tứ ý cũng có mười trú xứ. 1. Hoan hỷ phong tức nhờ xưa kia cứu hộ cây của thân và Dạ xoa nương ở; Có cây tức là an vui mà mất cây tức là khổ; 2. Ưu-bát-la-sắc tức nhờ xưa kia tịnh tín trì giới và cúng dường Tam bảo tạo ra ao Ưu-bát-la-hoa; 1. Phân-đà-lợi tức nhờ xưa kia tạo ra ao hoa này; 4. Thái địa tức nhờ xưa kia nhờ tâm tin thanh tịnh nhuộm và sửa áo cà-sa cho tăng chúng, dùng nhiều màu sắc mà nhuộm và sửa pháp phục; 5. Chất-đa-la được dịch là Tạp địa tức nhờ xưa kia dùng nhiều loại thức ăn bố thí cho người trì giới, không phạm giới v.v...; 6. Sơn đánh tức nhờ xưa kia tu tạo phòng nhà để ngăn cách gió lạnh khiến mọi người thọ dụng; 7. Ma-thâu được phiên âm là Mỹ địa tức nhờ xưa kia trì giới với tâm chất trực không có não loạn người khác; dùng thức ăn bố thí cho Sa-môn và Bà-la-môn có đạo hạnh hoặc một ngày, hoặc nhiều ngày hoặc không gián đoạn; 8. Dục cảnh tức nhờ xưa kia trì giới và nếu thấy người tà kiến bị bệnh thì bố thí sự an ổn cho họ mà nay có được quả báo này; 9. Thanh lương tức nhờ xưa kia nhờ thấy người sắp chết, đói khát, bệnh tật, mà dùng đường phèn, trái cây hoặc dùng nước lạnh bố thí cho người bệnh nên nay được quả báo này; 10. Thường du hỷ tức nhờ xưa kia vì người tọa thiền tạo

phòng ốc, tranh vẽ và thầy chết để quán sát.

Vị trời thứ tư được gọi là Thuyên hầu cũng có mười trú xứ: 1. “Kiền-đà-la” tức nhờ xưa kia dùng các quả trong vườn rừng như am la, cam, mía v.v... để bố thí cho chúng tăng nên nay mới đạt được quả báo này; 2. Ứng thanh tức nhờ xưa kia dùng một kệ pháp nói cho người tà kiến nghe khiến tâm họ phát khởi niềm tin vào Phật nên nay mới có quả báo này; 3. Hỷ lạc tức nhờ xưa kia nhờ bố thí thức ăn ngon cho người khác hoặc nước trong sạch, hoặc che đậy giếng nước khiến trùng độc không thâm nhập vào nên người uống nước ấy không phát sanh khổ não mà nay được quả báo này; 4. Cúc thủy tức nhờ xưa kia thấy người bệnh khổ sắp chết với cổ họng gáp gáp nói không thành tiếng nên bố thí nước trái cây, tài vật hoặc những thứ cần thiết để đánh đổi lấy mạng sống của họ mà nay được quả báo này; 5. Bạch thân tức nhờ xưa kia dùng hương bôi trang sức và sửa chữa tu bổ tháp Phật và nhà ở của tăng chúng, cũng dạy người sửa chữa tu bổ mà nay đạt được quả báo này; 6. Cộng du hỷ tức nhờ xưa kia tín tâm, trì giới đồng với nghĩa của pháp và hòa hợp cho nên nay mới được quả báo này; 7. Lạc du hỷ tức nhờ xưa kia trì giới hóa độ chúng sanh và với tâm tịnh tín hoan hỷ mà bố thí giới nên nay đạt được quả báo này; 8. Cộng du tức nhờ xưa kia ở trong pháp hội nghe pháp và hỗ trợ mưu tìm với tâm tùy hỷ sâu sắc nên đạt được quả báo này; 9. Hóa sanh tức nhờ xưa kia thấy người đói khát, chìm đắm mà cứu hộ nên nay mới đạt được quả báo này; 10. Chánh hạnh tức nhờ xưa kia thấy người bị đánh đập đến mất mạng nhưng ra tay cứu giúp khiến người thoát chết và chỉ ra các đường thoát chỗ hiểm.

Kế đến nói đến trời Nhật Hành bao quanh núi Tu di nhưng trụ ở trong cung điện. Ngoại đạo nói đó là Nhật Diệu (ánh sáng mặt trời) và Tinh tú (sao). Nếu lược nói thì có ba mươi sáu ức tức xưa kia giữ gìn bảy giới khiến đạt được quả Tăng thượng do phong luân nắm giữ. Đại Thiên Nhật hành này v.v... cùng với hai Đại thiên khác: Đề-đầu-lại-tra và Tỳ-sa-môn dạo đi khắp bốn thiên hạ, chơi đùa giữa không trung, thọ nhận năm thứ dục lạc như ý tự vui. Nhật Hành bao quanh núi Tu di vậy tùy núi phương nào mà có ảnh hiện? Có người nói vào ban đêm “phong luân” nắm giữ sao của phương Bắc luân chuyển không lặn. Ngoại đạo thấy sao Thần không lặn thì cho nó có khả năng nắm giữ tất cả cõi nước của thế gian mà không biết đó là do sức gió tạo ra. Nếu giữ giới không sát sanh thì sanh vào cõi trời Tứ Thiên vương. Nếu giữ giới không sát sanh và không trộm cắp thì sanh vào cõi trời thứ Ba mươi ba. Nếu giữ thêm giới không dâm dục thì sanh vào cõi trời Diêm-ma. Nếu giữ thêm

bốn thứ giới về “khẩu” thì sanh vào trời Đâu suất. Nếu lại giữ thêm giới của thế gian và tin tưởng phụng trì bảy giới của Phật thì sanh vào hai cung trời: Hóa Lạc và Hóa tha. Do giữ giới thù thắng nên phước đức mạng sống của thân trời cũng chuyển biến thù thắng. Lại tùy tâm trì giới và tâm tư duy thù thắng nên phước của thân trời cũng chuyển biến thù thắng. Trời thứ ba mươi ba tức còn gọi “trụ Thiện pháp đường thiên”. Trời này, xưa kia nhờ trì giữ bảy giới kiên cố không có nghi ngờ, bố thí cho Tứ quả, người bệnh, cha mẹ, người nhập diệt định, từ bi hỷ xả và sợ hãi thọ mạng nên sanh vào Thiện pháp đường, làm Thích-ca-đề-bà thuộc họ Kiều-thi-ca. Trời này lại có tên gọi là Năng Thiên chủ gồm có chín mươi chín Na-do-tha thiên nữ làm quyến thuộc nhưng đều không có tâm ganh ghét. Thiện pháp đường rộng năm trăm do tuần. Thứ ba gọi là Thanh tịnh thiên hay Diệm-ma thiên hoặc Mâu-tu-lâu-đà với thân hình rộng năm trăm do tuần cho dù trăm ngàn thân Đế Thích hợp lại cũng không bằng. Thứ tư, Đâu Suất Đà được dịch là “phân biệt ý cung”. Vị vua cõi trời này gọi là San-đấu-suất-đà. Thứ năm là Niết-ma-địa tức dịch là “Tự tại” cũng gọi là “Bất-kiều-lạc”. Thứ sáu gọi là Ba-la-ni-mật được dịch là “Hóa-tha-tự-tại”. Còn cõi trời Sắc và Vô sắc theo thông lệ có thể hiểu cứ không cần ghi ra đây. Như vậy, “loại cỏ thuốc bậc nhỏ” đã được trình bày xong.

Địa vị thuộc “cỏ thuốc bậc trung” tức là nói đến hàng nhị thừa. Đây là xét theo tập quả mà phán định địa vị. Cự luận sư nói “Thành luận tìm tòi để nói rõ đại thừa hiểu nghĩa của Bồ-tát” thì điều này không đúng. Luận chủ tự nói rằng: Nay chính là tự nói rõ nghĩa thật trong Tam tạng giáo. Nghĩa thật ấy tức là “không” thì bậc thầy của trời người há có thể lừa dối “luận chủ”! Đây tức là “không môn” nhằm nói rõ địa vị “đoạn phục” của hai mươi bảy bậc Thánh Hiền. A-tỳ-đàm “Hữu môn” nói rõ cấp vị “đoạn phục” của bảy Hiền, bảy Thánh được hình thành nên trong hai bộ luận. Nay lược nêu ra địa vị “cỏ thuốc bậc trung” thuộc “Hữu môn”. Ban đầu nói rõ “bảy Hiền” và kế đến nêu ra “bảy Thánh”. “Bảy Hiền” tức là: 1. Ngũ đình tâm; 2. Biệt tướng niệm xứ; 3. Tổng tướng niệm xứ; 4. Noãn pháp; 5. Đảnh pháp; 6. Nhãn pháp; 7. “Thế Đệ nhất pháp”. Tất cả những địa vị này gọi chung là “người Hiền”. Vì gần bậc Thánh mà gọi là Hiền. Vả lại người Hiền có thể dùng kiến giải tương tự để điều phục Kiến hoặc, vì tương tự phát khởi chơn thật cho nên nói “gần bậc Thánh”. Lại nữa, thiên ma, ngoại đạo ái, kiến thuộc lưu chuyển mà không biết “Tứ đế”, ở bảy vị Hiền này lại biết rõ Tứ đế. Đại kinh nói “Ta xưa kia cùng các ông không thấy được

bốn Chơn đế v.v... Người thấy được Tứ đế thì biết thuộc về ái Tứ đế và biết thuộc về kiến Tứ đế tức đều có thể hiểu rõ. Nếu hiểu Tứ đế tức sở kiến trở nên chơn chánh, không có tà vạy cho nên gọi là tướng trạng của người Hiền.

1. Địa vị Hiền đầu tiên: Tức phải học năm cách quán sát dừng tâm thành tựu nhằm phá trừ năm thứ chướng ngại đạo. Vì sao? Vì nếu xác định được sự tà vạy tích tụ ở chúng sanh thì không biết Tam bảo và Tứ đế tham nhiễm sanh tử. Nếu người quy y Tam bảo, hiểu rõ bốn Chơn đế thì phát tâm muốn lìa khỏi sanh tử mà cầu sự an vui của Niết-bàn. Năm thứ chướng ngại đạo với phiền não loạn động luôn cản trở việc quán sát Tứ đế nhưng nay tu năm pháp quán thành tựu khiến chướng hoặc bị phá, đạo sáng tỏ, cùng với hạnh giải tương xứng cho nên gọi là Vị Hiền đầu tiên (Ngũ đình tâm).

2. Biệt tướng niệm xứ: tức dùng “năm chướng đã được phá trừ nhờ vào tuệ quán chơn thật nên có khả năng quán sát Tứ đế. Tuy nhiên, đó chính là lấy khổ đế làm pháp môn ban đầu tạo ra quán bốn niệm xứ để phá trừ bốn thứ điên đảo. Nếu người căn tánh Tuệ giải thoát thì chỉ tu quán tánh bốn niệm xứ để phá trừ bốn thứ điên đảo chấp tánh. Nếu người căn tánh Câu giải thoát thì tu quán chung bốn niệm xứ để phá trừ bốn thứ điên đảo về sự và lý. Nếu người có căn tánh Vô ngại giải thoát thì tu “tánh chung với duyên ba loại tứ niệm xứ” nhằm phá trừ bốn thứ điên đảo của tất cả sự lý, văn tự v.v... dùng phương tiện khéo léo ở trong “niệm xứ” với “bốn loại tinh tấn” tu bốn loại định mà phát sanh năm thiện pháp phá trừ năm thứ ác, phân biệt “đạo dụng” an ổn mà thực hiện. Và do có khả năng quán sát Tứ đế thành tựu cho nên gọi là địa vị của “biệt tướng tứ niệm xứ”.

3. Tổng tướng niệm xứ: tức là trước đã tuệ niệm về biệt tướng phá trừ bốn thứ điên đảo và nay tuệ quán sát sâu sắc, vi tế về tổng tướng để phá trừ bốn thứ điên đảo hoặc cảnh tổng quán tổng, cảnh biệt quán tổng, cảnh tổng quán biệt tướng; hoặc tổng quát hai ấm, ba ấm, bốn ấm, năm ấm cũng đều gọi là tổng tướng. Trong đó, cũng dùng phương tiện khéo léo khiến có khả năng phát sanh Chánh cần, Như ý túc, Bảy giác chi, Bát chánh đạo nhanh chóng đi vào pháp sau cho nên gọi là địa vị Tổng tướng niệm xứ.

4. Vị Noãn pháp: tức là dùng “tổng tướng và biệt tướng của Tứ niệm xứ, quán sát khiến có thể phát sinh hiểu biết tương tự về mười sáu đế quán mà trở thành phần pháp khí của Phật. Ví như đốt lửa thì có khói khởi lên, cũng như mùa xuân thì sức nóng mặt trời phát sanh. Vì trí tuệ

thấu rõ cảnh cho nên mới phát khởi hiểu biết tương tự. Hiểu tức là dụ cho sức nóng. Lại nữa như vào mùa xuân và mùa hạ, tích tập cỏ, hoa thì có hơi ấm phát sanh. Nếu đem trí tuệ của Tứ đế tích tập các pháp thiện thì thiện pháp huân tập khiến tuệ giải phát sanh cho nên gọi là Noãn. Đây cũng chính là vị ban đầu của Nội phạm. Tuy nhiên hàng đệ tử của Phật mới có địa vị này còn ngoại đạo thì không có cho nên gọi là vị Noãn pháp.

5. Đảnh pháp: tức là sự hiểu biết tương tự chuyển biến tăng trưởng mà đạt được bốn loại định như ý khiến mười sáu đế quán chuyển biến rõ ràng hơn vượt trên pháp Noãn. Như leo lên đỉnh núi nhìn kỹ bốn phương thấy đều thấy rõ mọi thứ cho nên gọi là pháp Đảnh.

6. Nhẫn pháp: cũng là hiểu biết tương tự tăng trưởng. Năm loại thiện pháp tăng tiến khiến thành tựu căn, ở trong Tứ đế kham nhẫn dục lạc cho nên gọi là địa vị Nhẫn pháp. Hai Nhẫn trung và hạ đều gọi là Nhẫn vị.

7. Địa vị Thế Đệ nhất pháp: tức là một sát na của “thượng nhẫn”. Đối với phạm phu thì đó là nơi đạt được căn thiện tối thắng cho nên gọi là pháp bậc nhất của thế gian. Điều này, ở trên trong mục Diệu trí đã lược nói rồi.

Bảy vị Thánh được trình bày như sau: 1. Tùy tín hành; 2. Tùy pháp hành; 3. Tin giải; 4. Kiến đắc; 5. Thân chứng; 6. A-la-hán Thời giải thoát; 7. A-la-hán phi thời giải thoát. Tất cả các địa vị đó tổng gọi là Thánh hay là Chánh. Tức là chịu khó nhẫn chịu trong pháp rõ ràng, phát khởi lên xả bỏ tánh phạm phu để nhập vào tánh Thánh nhằm chứng đạt chơn trí, vì thấy lý cho nên gọi là Thánh nhưn.

1. Vị Tùy tín hành: tức là tên gọi hạng người độn căn được dự vào Kiến đạo (Thấy đạo) không phải tự trí lực biết mà nương vào người khác để sanh khởi hiểu biết. Người này đối với đạo phương tiện, trước tuy có tin tưởng nhưng vì chưa tích tập chơn thật nên tín không thể gọi là hành mà hành tức lấy nghĩa tiến đến. Nghĩa là từ khi đạt được pháp khổ nhẫn chơn thật rõ ràng mà trong mười lăm sát na tiến đến thấy chơn chánh cho nên gọi là vị Tùy tín hành.

2. Vị Tùy pháp hành: tức tên gọi chỉ cho người có căn tánh lanh lợi dự vào đạo. Người lợi căn tự mình dùng trí lực để thấy lý đoạn trừ kiết sử. Hạng người này đối với đạo phương tiện, có khả năng tự sử dụng Quán chiếu. Tuy quán sát pháp bốn chân đế nhưng chưa phát khởi chân thật nên không gọi đó là hành. Nhân nơi “Thế Đệ nhất pháp” phát khởi khổ nhẫn chơn thật rõ ràng mà trong mười lăm sát na tiến đến nơi thấy

chơn thật cho nên gọi là vị Tỳ pháp hành.

3. Địa vị Tín giải: tức chỉ cho hạng người tin và thực hành nhập vào “tu đạo” nên chuyển tên gọi là Tín giải. Hạng người có căn tánh ám độn nhờ nương tựa vào niềm tin mà tiến đến phát khởi sự hiểu biết chơn thật cho nên gọi là tin hiểu (Tín giải). Hạng người này chứng quả có ba thứ nghĩa là ba quả v.v... chứng “Sơ quả” tức là tương ứng với Tỷ trí của đạo thứ mười sáu hay cũng gọi là chứng quả Tu-đà-hoàn. Tu-đà-hoàn được dịch là tu tập pháp vô lậu. Luận Thành Thật nói rõ đây vẫn còn địa vị Kiến đạo. Một số người nói chứng quả tức là nhập vào “Tu đạo” Dùng ý này mà nói rõ nghĩa tu tập vô lậu cho tiện Phiền não của Kiến đạo đã đoạn nếu lược nói thì đoạn sạch ba kiết còn rộng nói thì đoạn sạch tám mươi tám “sử”. Quả vị này còn bảy lần sanh tử thì chứng A-la-hán chứ không thể tám v.v... kể đến, nói rõ chứng quả thứ hai tức có hai loại: Hưởng và Quả. Hưởng tức là từ tâm của Sơ quả rồi tu thêm mười sáu đế quán, bảy hạnh Bồ-đề hiện tiền. Điều này có nghĩa ngay trong đời này dùng vô lậu đoạn trừ phiền não mà đạt được một phẩm vô ngại. Đoạn trừ một phẩm phiền não của Dục giới cho đến năm phẩm, đều thuộc địa vị Hưởng này, cũng gọi là Tu-đà-hoàn Thắng tiến. “Như vậy ước định theo đây để luận về gia gia. Quả nghĩa là nếu đoạn trừ hết sáu phẩm phiền não thì chứng được giải thoát thuộc phẩm thứ mười sáu của Dục giới tức quả Tư-đà-hàm. Thiên Trúc nói: Bạc nghĩa là làm mỏng đi phiền não của Dục giới”. Kể đến nói rõ chứng A-na-hàm tức cũng có hai loại: Hưởng và Quả. Hưởng nghĩa là nếu đoạn sạch bảy phẩm phiền não của Dục giới cho đến tám phẩm cũng đều gọi là Hưởng, hay còn gọi là Tư-đà-hàm thắng tấn (Tư-đà-hàm vượt trội tiến tới). Ước định đây nói về một chủng tử (Nhân). Quả nghĩa là dùng chín thứ vô ngại để đoạn trừ Dục giới. Nếu chứng được cấp độ giải thoát thứ chín thì gọi là quả A-na-hàm. Thiên trúc gọi đó là “Bất hoàn” tức không sanh trở lại Dục giới. Lại nữa, Tu-đà-hoàn có ba loại: 1. Tu-đà-hoàn đang ở trong pháp hành thì gọi là “hưởng”; 2. Trụ vào quả vị thì gọi là Tu-đà-hoàn; 3. Tu-đà-hoàn vượt trội thắng tiến cũng gọi là Gia gia tức Hưởng Tư-đà-hàm. Tư-đà-hàm chỉ có hai loại: Trụ quả và thắng tiến. Thắng tấn (vượt trội tiến lên) cũng gọi là “một chủng tử” tức Hưởng A-na-hàm. A-na-hàm cũng có hai loại: Trụ quả và Thắng tấn. A-na-hàm Thắng tấn tức đoạn trừ “năm thượng phần kiết sử” nghĩa là sự ô nhiễm của cõi Sắc và Vô sắc v.v... tức hưởng A-la-hán. A-la-hán chỉ có một tức là Trụ quả. Lại nữa, siêu vượt quả tức là khi phạm phu, đoạn trừ sáu phẩm phiền não của Dục giới cho đến tám phẩm, lại

nhập vào Kiến đạo mà phát khởi khổ nhẫn chơn thực, rõ ràng mười lăm tâm thì là Hưởng Tư-đà-hàm, còn rõ ràng mười sáu tâm tức chứng quả Tư-đà-hàm. Nếu khi còn phàm phu trước hết đoạn trừ sạch chín phẩm phiền não của hai cõi cho đến cõi Vô sở hữu xứ và sau đó nhập vào mười lăm tâm thuộc “Kiến đế” thì gọi là A-na-hàm hạnh. Nếu thấy rõ tâm thứ mười sáu tức chứng quả A-na-hàm. Đây gọi là người siêu việt chứng đạt hai quả sau. Địa vị Tín giải (tin hiểu) này, tuy đều là căn tánh động nhưng bất đồng nghĩa là: Thối chuyển, hộ trì, tư duy, trụ lại và tiến đến. Nếu chứng A-na-hàm thì mỗi loại có năm, bảy và tám loại Ban Bất hoàn. Năm loại Ban (Niết-bàn) là Trung Ban, Sanh Ban, Hữu hành Ban, Bất hành Ban và Thượng lưu Ban. Bảy loại Ban là chia Trung ban ra làm ba loại. Tám loại Ban là năm loại như trên và thêm Hiện Ban, Vô sắc Ban và Bất định Ban v.v...

4. Vị Kiến đắc nghĩa là: Người Tùy pháp hành chuyển dần vào hàng “Tu đạo” nên gọi đó là “Kiến đắc”. Hạng người có căn tánh lạnh lợi này tự dùng công lực của trí tuệ thấy pháp mà đạt được lý cho nên gọi là “Kiến đắc”. Hạng người này trụ ở “đạo tư duy” thứ tự chứng được ba quả và siêu vượt lên hai quả, cũng như địa vị Tín giải Nhưng vì có căn tánh lạnh lợi nên không nhờ vào việc nghe pháp, không nương tựa vào các pháp khác. Hạng này, do có khả năng thấy pháp mà đạt được lý làm khác biệt. Địa vị Kiến đắc này chỉ là căn tánh bất động. Nếu chứng quả A-na-hàm thì cũng có năm, bảy và tám loại ban bất đồng.

5. Vị Thân chứng nghĩa là: Trở lại hai địa vị Tín giải Kiến đắc (đáo) này mà đi vào đạo tư duy rồi dùng trí vô lậu đoạn trừ thượng phần và hạ phần kiết sử nhằm phát khởi bốn thiên, bốn định của Vô sắc. Đây chính là dùng Cộng niệm xứ tu tập tám pháp xả bỏ, tám xứ thù thắng, mười Nhất thiết xứ mà nhập vào Chín định thứ đệ, ba “không” khiến trước hết đoạn trừ hai thứ chướng ngại sự tánh. Lại nữa, đoạn trừ sự chướng của cõi phi tưởng, diệt duyên lý thuộc các tâm và số pháp của tâm mà nhập vào Diệt tận định. Do đạt được định này cho nên gọi là “thân chứng A-na-hàm”. Vì sao? Vì khi nhập vào Diệt tận định thì tương tự như pháp của Niết-bàn, khiến an trí thân bên trong dứt hẳn tất cả công việc lao nhọc (phiền não) của ba cõi và thân chứng tướng thọ diệt mất cho nên gọi là thân chứng. Nếu căn cứ Sơ quả để hiểu “thân chứng” thì chỉ vì trước tiên ở trong phàm phu dùng trí đoạn kiết mà đạt được bốn thiên, bốn định của vô sắc. Sau đó, được thấy đế thuộc tâm thứ mười sáu tức chứng quả A-na-hàm. Tu “cộng niệm xứ” rồi trở lại từ Dục giới, tu “pháp xả bỏ, thắng xứ, nhất thiết xứ” mà nhập vào chín

định của thứ đệ để thân chứng. A-na-hàm này có hai loại: (a). Trụ quả tức chỉ là A-na-hàm; (b). Gánh vác quả, hành hưởng đến tức là A-na-hàm thắng tiến hay còn gọi là Hưởng A-la-hán. Thích Luận nói “A-na-hàm có mười một hạng: Năm hạng chính là A-na-hàm còn sáu hạng là Hưởng A-la-hán”. Thân chứng này tức là thắng tấn thuộc Hưởng A-la-hán. Năm loại và bảy loại Ban đều có Thượng lưu Ban. Trong tám loại Ban chỉ có Hiện Ban và Vô sắc Ban là Luận. A-tỳ-đàm phân biệt quả A-na-hàm có một vạn hai ngàn chín trăm sáu mươi loại v.v...

6. Nói A-la-hán Thời giải thoát nghĩa là hạng người độn căn thuộc Tín hành” đợi thời và các duyên hội tụ đủ mới được giải thoát cho nên gọi là A-la-hán Thời giải thoát. Chữ La-hán không có phiên dịch ra nhưng vốn tên gọi đã bao hàm ba nghĩa: Giết giặc, không sanh, ứng cúng. Địa vị này cư ngụ ở cấp bậc “Vô học”. A-la-hán có năm hạng, tùy tín tưởng và hành trì mà sanh ra: Thối pháp, Tư duy pháp, Hộ trì pháp, Trụ pháp, Thắng tiến pháp. A-la-hán đạt được Tận trí là bậc Vô học thấy biết hết thấy. Nếu dùng Tam muội Kim cang thì sẽ diệt sạch chín phẩm hoặc chướng của cõi “Phi tưởng”. Rồi một sát na kế tiếp chứng đạt cấp độ giải thoát thứ chín của cõi trời phi tưởng mà thành tựu “Tận trí”, trong một sát na tiếp đó lại được cấp độ “Vô học thấy hết thấy”, hoặc lúc đó bị thối lui cho nên không nói đạt được vô sanh trí. Năm hạng A-la-hán này thuộc chủng tánh tin và căn chậm lụt. Tuy ở trong nhân tu đạo mà thấy đều nhờ vào hiện y phục, thức ăn, giường nằm, được thuyết pháp và người tùy thuận khiến thiện căn tăng trưởng nhưng không thể ở mọi thời, ưa muốn là được tăng tiến. Năm hạng này đều có hai cấp độ: Không đạt được Diệt tận định nên chỉ có Tuệ giải thoát, đạt được Diệt tận định nên là Câu giải thoát. Nếu không đạt được Diệt tận định thì người này với nhân nghiêng về tu Tánh niệm xứ. Nếu đạt được Diệt tận định thì người này trong nhân tu Tánh cộng niệm xứ. Nếu khi chứng quả vị thì ba minh, “tám giải thoát” một lúc đều đạt được cho nên gọi là Câu giải thoát.

7. A-la-hán Bất thời giải thoát tức là hạng lợi căn thuộc pháp hành hay còn gọi là A-la-hán bất động pháp. Hạng người này nhân nơi tu đạo có thể mọi thời tùy ý muốn mà tấn tu nghiệp thiện chứ không cần phải đợi các duyên đầy đủ cho nên gọi là “Bất thời giải thoát”. Hạng người này không bị phiền não khuấy động cho nên gọi là bất động. Bất động có nghĩa là không thối lui. Hoặc thành tựu ba trí: Lậu tận trí, vô sanh trí, Vô học đẳng kiến thì có khả năng dùng Tam muội “trùng không” chạm biết thiện pháp của bậc Thánh. Vì dùng định xả bỏ định cho nên

nói là nói “có khả năng chạm biết”. “A-la-hán Bất động” này cũng có hai hạng: Không đạt được Diệt tận định nên chỉ gọi là Tuệ giải thoát, đạt được Diệt tận định nên gọi là Câu giải thoát. Nếu nghe Phật nói Tam Tạng giáo môn mà tu duyên niệm xứ thì phát khởi bốn thứ biện tài cho nên gọi là “Vô ngại giải thoát” hoặc Thanh văn Ba-la-mật, có khả năng rất ráo đầy đủ tất cả công đức của A-la-hán. Sa-môn-na tức là quả Sa-môn.

Vị Bích chi Phật được dịch là Duyên giác. Hạng người này đời trước gieo trồng phước đức sâu dày với thần căn mạnh mẽ lạnh lợi nên có khả năng quán sát Tập đế và lấy đó làm pháp môn ban đầu. Đại Luận gọi đây là Độc giác hay Nhân Duyên giác. Nếu sinh ra đời không gặp Phật mà tự nhiên ngộ đạo thì gọi là Độc giác. Nếu sinh ra đời mà gặp Phật, nghe pháp mười hai nhân duyên rồi thọ nhận tu tập đạt được đạo thì gọi là Nhân Duyên giác. Hàng Độc giác sinh ra đời không gặp Phật bao gồm có tiểu (nhỏ) có đại (lớn). Nếu vốn tại người hữu học, nay sinh ra sau Phật, bảy lần sanh đã mãn nên không thể thọ nhận đời sống thứ tám mà tự nhiên thành đạo thì không thể được gọi là Phật, cũng chẳng phải La hán mà chỉ gọi là “tiểu Bích chi Ca-la”. Nếu luận về đạo lực của người này thì không bằng đại La hán Xá lợi phất v.v... Còn Đại Bích chi Phật Ca-la thường trong hai trăm kiếp tạo công đức sâu dày nên thân được ba mươi hai tướng tốt, hoặc ba mươi một, ba mươi hai, mười chín cho đến một tướng. Do phước lực tăng trưởng trí tuệ lạnh lợi mà đối với biệt tướng và tổng tướng có khả năng biết rõ và nhập vào tu tập định lâu dài và thường an vui với một mình nơi vắng lặng cho nên gọi là Đại Bích chi Phật Ca-la. Nếu xét theo nhân duyên giác mà luận về tiểu, đại (lớn, nhỏ) thì cũng nên phân biệt như vậy. Hạng người này có căn tánh lạnh lợi, không bị hạn chế ở quả nên có khả năng đoạn trừ chánh sử và dễ xâm nhập vào lãnh vực tu tập sâu rộng. Ví như thân tráng kiện, thẳng đi đến nơi cần thiết nhưng không chỉ dừng lại ở đó cho nên không bị hạn chế ở quả. Đây gọi vị cỏ thuốc bậc trung.

Vị cỏ bậc thượng tức là địa vị của Bồ-tát thuộc Tam Tạng giáo Bồ-tát này từ mới phát tâm Bồ-đề cho đến khởi từ bi, thế nguyện quán sát Tứ đế, lấy Đạo đế làm cửa ban đầu để thực hành sáu pháp Ba-la-mật. Thời gian từ đức Thích ca cho đến Kế Na, Thi Khí Phật là A-tăng-kỳ-kiếp thứ nhất. Do thường lia thân của người nữ, cũng không thể tự biết mình sẽ làm Phật hay không thể làm Phật. Nếu lấy tiêu chuẩn so sánh với địa vị Nhị thừa, thì phải ở địa vị Ngũ đình tâm, biệt tướng, tổng tướng niệm xứ rồi dùng tâm từ bi mà thực hành sáu pháp lục độ. Từ

Phật Kế-Na Thi Khí đến Phật Nhiên Đăng thì gọi là A-tăng-kỳ kiếp thứ hai. Bấy giờ, tuy tự biết mình làm Phật nhưng miệng không nói ra. Nếu chuẩn định địa vị này thì ở tại vị pháp Noãn tức là tánh Địa thuận Nhẫn. Địa vị mới phát tâm đã có tin vào chấp pháp chắc chắn biết sẽ làm Phật mà dùng “Noãn giải” tu hành sáu pháp lục độ nhưng tâm chưa rõ ràng cho nên miệng không thể nói cho người khác biết. Từ Phật Nhiên Đăng đến Phật Tỳ-bà-thi-ca, gọi là A-tăng-kỳ-kiếp thứ ba. Lúc ấy, nội tâm đã tự biết mình làm Phật nên miệng phát khởi lời nói: Không có gì sợ hãi. Chuẩn định ở địa vị này thì ở tại vị Đảnh pháp, tu hành sáu pháp lục độ và “Tứ đế” khiến hiểu biết rõ ràng cấp độ này, giống như leo lên đầu chóp núi nhìn thấy rõ bốn phía cho nên gọi là miệng hướng đến người khác mà nói. Nếu trải qua ba A-tăng-kỳ-kiếp gieo trồng ba mươi hai nghiệp tướng thì chuẩn định đây là vị trí của hạ nhẫn. Nếu dùng nhẫn trí này thực hành sáu pháp “lục độ” thì thành tựu trăm thứ phước đức, lại dùng trăm phước ấy thành tựu một nhân tướng thì ở vị trí của hạ nhẫn. Khi Phật xuất thế trong cõi Người thì chứng đạt chủng tướng này vậy. Nếu khi ngồi ở đạo tràng thì cấp vị được hình thành ở trung nhẫn và thượng nhẫn. Từ thượng nhẫn trong một sát na nhập vào Chơn đế thì đoạn trừ kiết thuộc ba mươi bốn tâm mà đạt được A-nậu-tam-Bồ-đề tức gọi là Phật. Như vậy, trên đây là nói về địa vị thuộc cỗ thuốc bậc thượng của Tam tạng giáo Bồ-tát.

Địa vị thuộc “cây nhỏ” tức chỉ cho Thông giáo nói rõ người ba thừa đồng dùng “vô ngôn” nói đạo để đoạn trừ phiền não mà nhập vào Đệ nhất nghĩa đế. Tuy tuệ quán về thể pháp không khác nhưng trí lực mạnh, yếu khác biệt nên việc đoạn trừ tập phiền não hết và không hết có khác. Trước tiên nói rõ ba thừa chung vị Thập địa. Kế đến giản lược tên gọi riêng biệt và nghĩa chung v.v... Mười địa ấy được trình bày như sau: 1. Càn tuệ địa: Cấp vị ban đầu của ba thừa đều gọi là Càn tuệ tức là thể pháp. Đối với ngũ định tâm, biệt tướng, tổng tướng, bốn niệm xứ quán sát sự tướng không khác với Tam tạng. Pháp môn của ba cấp độ này với thể “ấm, nhập, giới” như huyền như hóa để tổng phá ái kiến tám thứ điên đảo nên gọi là Thân niệm xứ. Thọ, Tâm, Pháp niệm xứ cũng lại như vậy. Nếu trụ ở trong pháp quán này, tu chánh cần, như ý túc, năm căn năm lực, bảy giác chi và bát chánh đạo. Tuy chưa đạt được Noãn pháp tương tự với lý tánh của nước nhưng trí tuệ thuộc tổng tướng sâu xa lạnh lợi cho nên gọi là “vị Càn tuệ” (Trí tuệ khô); 2. Tánh địa tức vượt qua Càn Tuệ địa đạt được “pháp Noãn” rồi có khả năng phát triển tâm đầu giữa và sau để nhập vào pháp Đảnh cho đến Thế Đệ nhất pháp

(pháp bậc nhất của thế gian) thì đều gọi là Tánh địa. Do trong Tánh địa dùng phương tiện vô sanh với tuệ hiểu khéo léo chuyển biến thù thắng hơn trước mà đạt được nước tánh vô lậu tương tự” cho nên nói là Tánh địa; 3. Bát nhân địa tức là cấp độ tin hành và pháp hành của ba thừa. Hai hạng người này vốn thấy giả để phát khởi chơn mà đoạn trừ hoặc chướng và hiện hữu trong Tam muội vô gián với tám nhãn đầy đủ, trí giảm một phần cho nên gọi là “địa vị tám người”; 4. “Kiến địa” tức là ba thừa đồng thấy “Đệ nhất nghĩa” và lý vô sanh Tứ đế nên đồng đoạn trừ sạch tám mươi tám sử thuộc Kiến hoặc; 5. Vị Bạc địa tức là thể ái giả tức chơn nhằm phát khởi sáu phẩm vô ngại và đoạn trừ sáu phẩm phiền não của Dục giới mà chứng cấp độ giải thoát thứ sáu khiến phiền não của Dục giới mờ nhạt dần; 6. Ly dục địa tức là người của ba thừa thể nhập “ái giả tức chơn” nhằm đoạn sạch “năm hạ phần kiết sử” của Dục giới mà xa lìa phiền não của Dục giới; 7. Dĩ biện địa tức là người của ba thừa thể nhập vào sắc và vô sắc ái tức chơn để phát khởi “chơn vô lậu”, đoạn trừ năm thượng phần kiết sử và bảy mươi hai phẩm phiền não. Do đã đoạn “sự hoặc” của ba cõi rất ráo cho nên gọi là “địa vị Dĩ biện”; 8. Bích chi Phật địa nghĩa là Duyên giác Bồ-tát phát khởi lực công đức vô lậu rộng lớn cho nên có khả năng lặn át và đoạn trừ tập khí phiền não; 9. Bồ-tát địa tức là không quán nhập vào giả quán và trung đạo song song lưu chuyển quán sát sâu sắc hai đế để tiến đến đoạn trừ tập khí thuộc sắc, tâm và vô tri nhằm đạt được pháp nhãn và “đạo chủng trí” với thần thông du hý làm tịnh cõi nước của Phật, thành tựu chúng sanh. Do học mười lực và bốn pháp không sợ của Phật nên đoạn sạch tập khí phiền não. Nếu đạt được cấp độ này thì tương đương với “vị cây nhỏ” trong kinh Pháp Hoa đã nói; 10. Phật địa tức là lực công đức và trí tuệ rộng lớn với một niệm tương ứng tuệ quán về Chơn đế rất ráo khiến tập cũng rất ráo. Như kiếp lửa khởi lên thiêu đốt cây cỏ thành tro bụi, như voi vượt qua sông đi đến bờ bên kia. Bồ-tát và Phật tuy hai thừa có tên gọi khác nhau nhưng đều chung quán sát thể pháp vô sanh, đồng là đạt được hai thứ Niết-bàn của Vô học. Do cùng quay về việc thiêu rụi phiền não mà chứng một xứ quả cho nên gọi là chung.

Giản lược tên khác mà nghĩa chung được phân làm hai thứ. Một là căn cứ ở cấp vị chung của ba thừa thì Bồ-tát biệt lập tên “nhãn” nhưng về mặt nghĩa thì chung. Hai là dùng Biệt giáo nêu ra tên khác mà nghĩa chung. Nghĩa chung thì như trước đã nói. Còn biệt lập thì chữ “Biệt” là chỉ cho Bồ-tát và chữ “lập” tức tên gọi của các pháp nhãn: Nhãn hàng phục, nhãn nhu thuận, nhãn vô sanh. Ba người của Can tuệ địa đồng

hàng phục Kiến hoặc nhưng Bồ-tát lại nhẫn chịu hàng phục thêm nên có tên “nhẫn hàng phục”. Điều này có nghĩa Bồ-tát tin nhân duyên tức “không” nhưng ở trong Tứ đế vô sanh hàng phục tâm mình mà khởi bốn hoằng thệ nguyện. Tuy biết chúng sanh như hư không nhưng phát tâm độ tất cả chúng sanh. Bồ-tát này muốn độ chúng sanh như độ hư không. Do đó, kinh Kim Cang Bát-nhã nói “Bồ-tát như vậy, hàng phục điều phục tâm mình tức diệt độ vô lượng chúng sanh nhưng thật sự không có chúng sanh nào được diệt độ. Ba thệ nguyện kế tiếp tức dùng để hàng phục tâm mình cũng như vậy. Đây là Bồ-tát trụ ở Can tuệ địa tu tập Ngũ đình tâm, biệt tướng, tổng tướng, niệm xứ. Do khi quán sát khác với hàng Nhị thừa cho nên riêng gọi là hàng phục nhẫn. Lại nữa người của ba thừa đồng phát khởi năm ấm của thiện hữu lậu và sanh khởi hiểu tương tự đều hàng phục “Kiến hoặc” và thuận với “Đệ nhất nghĩa”. Nhưng Bồ-tát một mình thọ nhận “nhẫn nhu hòa” tức là Bồ-tát chẳng những hàng phục kiết, thuận với lý mà còn vì chúng sanh hàng phục tâm và hành khắp sáu độ, ở trong tất cả sự việc, phước tuệ đều khiến họ rốt ráo. Như Bồ-tát của Tam tạng ở trong nhẫn bậc trung, trải qua ba Tăng-kỳ thực hành sáu độ mà không tiếc thân mạng. Nay Bồ-tát cũng như vậy, dùng nguyện Không, Vô tướng điều phục các căn. Vì chúng sanh mà Bồ-tát hành đầy đủ sáu độ cho nên gọi là “thuận nhẫn”. Lại nữa, người của ba thừa đồng phát khởi “chơn vô lậu” hoặc trí hoặc đoạn đều đồng gọi là vô sanh nhưng Bồ-tát chỉ thọ nhận pháp nhẫn vô sanh. Nghĩa là Bồ-tát kiến đế lý, đoạn kết sử không sanh tâm thủ chứng cho nên riêng nhận tên gọi pháp nhẫn vô sanh. Vì sao? Vì nếu sanh tâm thủ chứng (giữ lấy sự chứng đắc) tức rơi vào địa vị nhị thừa chứ không thể nhập vào địa thứ chín của Bồ-tát. Lại nữa, ba thừa đồng đạt được thần thông nhưng hàng nhị thừa không thể sử dụng để thành tựu chúng sanh và làm thanh tịnh cõi nước của Phật nên không thọ nhận tên Du hý. Bồ-tát có khả năng như vậy cho nên riêng thọ nhận tên gọi “thần thông du hý”. A-na-hàm đoạn trừ” năm hạ phần kiết nhưng không thể xả bỏ thiền định thâm sâu lại sanh vào Dục giới hòa nhập với chúng sanh làm lợi ích mà không đồng nhiễm trần. Bồ-tát có khả năng như vậy cho nên riêng thọ nhận tên gọi “Ly dục thanh tịnh”. Sở dĩ người của ba thừa đồng quán sát hai đế nhưng công dụng cùng với Nhị thừa bất đồng là do hàng nhị thừa, tuy quán sát hai đế nhưng hoàn toàn thể nhập “Giả” đi vào “Không”, dùng Chơn để đoạn trừ kiết đưa đến quả vị Vô học. Bồ-tát cũng quán sát hai đế với khởi đầu từ “Cần tuệ địa” và sau cùng đến “kiến địa”, đa phần dùng Giả quán nhập vào Không

quán” đạt được Nhất thiết trí và tuệ nhãn đồng thời đa phần dùng Chơn đế. Từ Bạc địa học thần thông du hý, đa phần tu “từ Không quán nhập vào giả quán để đạt được Đạo chủng trí và pháp nhãn đồng thời dùng Tục đế. Từ địa vị Bích chi Phật học hai pháp quán cùng chiếu soi nhập vào địa Bồ-tát rồi tự nhiên lưu nhập vào biển Tát-bà-nhã. Đây là lấy tâm “vô công dụng” để tu tập Phật nhãn chủng trí khiến địa vị Phật viên mãn và sáng suốt nhằm thành tựu Nhất thiết chủng trí với Phật nhãn đồng chiếu soi hai đế rốt ráo. Đại Luận nói “Trong pháp Thanh văn, gọi là Can tuệ địa nhưng đối với Bồ-tát thì gọi là “hàng phục nhãn”; pháp Thanh văn gọi là Tánh địa, ở trong pháp Bồ-tát gọi là Nhu thuận nhãn pháp Thanh văn gọi đó là “Bát nhưn địa” còn đối với Bồ-tát thì gọi là “đạo nhãn vô sanh”; pháp Thanh văn gọi đó là “kiến địa” còn đối với pháp Bồ-tát thì gọi là quả của “pháp nhãn vô sanh”, Thanh văn gọi đó là “Bạc địa” còn đối với Bồ-tát thì gọi là “năm thứ thần thông du hý”, pháp Thanh văn gọi đó là “Ly dục địa” còn đối với pháp Bồ-tát thì gọi đó là “ly dục thanh tịnh”. A-la-hán đối với pháp Thanh văn thì gọi là Phật địa vì sao? Vì ba mươi bốn tâm thuộc Phật của Tam tạng phát khởi Chơn đế mà đoạn trừ sạch kiết sử của ba cõi cùng với A-la-hán ngang nhau cho nên gọi là Phật địa, đối với pháp Bồ-tát thì vẫn còn gọi Vô sanh nhãn. Cho nên Đại Phẩm nói “A-la-hán hoặc trí, hoặc đoạn đều là “pháp nhãn vô sanh” của Bồ-tát, Bích chi Phật cũng như vậy”. Chín địa vượt qua Bích chi Phật mà nhập vào địa vị Bồ-tát. Địa vị Bồ-tát có chín địa, mười địa tức là mười địa Bồ-tát. Nên biết, cấp độ này gần bằng Phật nhưng tập khí chưa đoạn hết. Nếu vượt qua địa Bồ-tát tức nhập vào “Phật địa” dùng thệ nguyện để chống đỡ tập khí còn sót lại mà sanh vào cõi Diêm-phù-đề tế độ chúng sanh. Trong tám tướng thành đạo thì có năm tướng giống như cách nói của Tam tạng không sai khác, chỉ có tướng thứ sáu “ngồi dưới cây Bồ-đề đạt được một niệm tương ứng trí tuệ” và lý của vô sanh Tứ đế tương ứng. Do đoạn sạch tất cả phiền não, đầy đủ đại từ đại bi, mười lực, bốn pháp vô úy, mười tám pháp bất cộng và tất cả công đức cho nên gọi đó là Phật. Tướng thứ bảy “chuyển pháp luân” tức là dùng quyền trí khai mở pháp sanh diệt Tứ đế của Tam tạng và dùng thật trí nói pháp Tứ đế vô sanh của Ma-ha-diễn thông suốt giáo hóa người của ba thừa. Tướng thành đạo thứ tám “nhập Niết-bàn” tức là ở giữa hai cây Sa-la mà nhập vào vô dư Niết-bàn, như củi hết lửa tắt rồi lưu truyền xá-lợi làm ruộng phước cho trời người. Đây là “vị chung” của Thông giáo, còn riêng làm Bồ-tát thì lập ra danh vị này.

Việc dùng tên riêng biệt mà đặt tên tức là dùng tên gọi của Biệt

giáo so sánh với địa vị Bồ-tát của Thông giáo. Tên riêng tức là tên gọi “mười tín, ba mươi hai tâm và mười địa”. Địa vị “Thiết luân” đối với nghĩa chung tức là lực “Can tuệ địa” và “hàng phục nhãn”. Ba mươi hai tâm tức là so với nhãn “nhu hòa”, Tánh địa. “Bát nhơn địa” và “Kiến địa” tức là “Sơ Hoan hỷ địa” đạt được “pháp nhãn vô sanh”. Do đó Đại Phẩm nói “Tu-đà-hoàn hoặc trí, hoặc đoạn đều là “pháp nhãn vô sanh” của Bồ-tát. Hương và Quả của “Bạc địa” thì Hương là Ly cấu địa còn quả là Minh địa. Đại Phẩm nói “Tư-đà-hàm hoặc trí hoặc đoạn đều là pháp nhãn vô sanh của Bồ-tát”. Hương và Quả của Ly dục địa thì Hương tức là Diễm địa còn Quả tức là Nan thắng địa. Đại Phẩm nói “trí và đoạn của A-na-hàm là pháp nhãn vô sanh của Bồ-tát”. Hương và quả của Dĩ biện địa thì Hương tức là Hiện tiền địa còn Quả tức là Viễn hành địa. Đại Phẩm nói “trí và đoạn của A-la-hán là pháp nhãn vô sanh của Bồ-tát. Bích chi Phật tức là địa thứ tám Bất động địa lần át đến tập khí. Đại Phẩm nói “trí đoạn của Bích chi Phật là pháp nhãn vô sanh của Bồ-tát”. Bồ-tát địa tức là Thiện tuệ địa. Thập địa Bồ-tát nên biết như Phật địa và Phật địa thì giống như trước đã nói. Phật này cùng với Phật của Tam tạng cũng đồng mà cũng khác. Đồng là đồng tám mươi năm nhập chơn đoạn diệt còn khác là Tam tạng cho rằng nhân hàng phục và quả đoạn còn Phật của Thông giáo thì nhân quả đều đoạn, một ngày của Tam tạng thuộc ba thời đều chiếu soi rõ căn cơ còn Phật của Thông giáo tức “tục” mà “chơn” nên chiếu soi chứ không cần phải nhập vào. Đây là dùng tên riêng để biện rõ địa vị, tên khác mà nghĩa đồng cũng như địa vị của Thông giáo.

Hỏi: Sơ địa cho đến Thất địa đối chiếu quả được nêu ra trong kinh luận nào?

Đáp: Kinh luận chẳng phải không hợp nhưng có cao thấp bất đồng, các Sư của loài người hoặc dùng Kiến địa chỉ hợp với Sơ địa như nay dùng, hoặc hướng đến “sơ quả” lấy ba địa đều hợp với “sơ địa”. Kinh Nhân vương nói “tứ địa đều hợp với sơ địa”. Vấn đề này khó phán định chỉ vì bậc “kiến địa” của Thông giáo vốn là đạo vô gián, không thể xuất quán mà chứng Tu-đà-hoàn, há đạt được “sơ địa” mà đoạn kiến cho đến “tam địa” hoặc “tứ địa”! Nếu đoạn hoặc riêng biệt không cùng với Nhị thừa thì nghĩa này có Kinh Luận nói. Lại nữa, hoặc nói địa thứ sáu đoạn trừ kiết thì ngang bằng với A-la-hán, hoặc nói rằng địa thứ bảy thì khó mà định chấp, vì hai quả trước sau thuộc kinh luận hợp đều nói bất định. Riêng phần trung gian có thể dùng ý để đạt được. Nay dùng nghĩa để bác bỏ thì không thể định chấp.

Hỏi: Từ địa thứ bảy và địa thứ tám quán sát “thường trụ” mà phá trừ vô minh tức là địa vị nào?

Đáp: Điều này chẳng phải Thông giáo cũng chẳng phải Biệt giáo, vì sao? Thông giáo trước sau không có nói rõ quán sát thường thì tại sao được ở trung gian mà phá vô minh? Sơ tâm của Biệt giáo tức biết “thường trụ”. Sơ địa đã có khả năng phá vô minh thì sao nói địa thứ tám mới phá vô minh! Đây là ý Biệt tiếp nối Thông mà thôi.

Hỏi: Ba nơi của Đại Luận nói rõ sơ điểm địa dựa trên Biệt giáo và Viên giáo đều lấy sự phát khởi chơn thật làm “sơ Điểm địa”, vậy Thông giáo có gì lấy Can Tuệ địa làm sơ Điểm địa?

Đáp: Biệt giáo và Viên giáo đều dừng lại ở một loại căn tánh cho nên dùng sự phát khởi chơn thật làm sơ Điểm địa. Thông giáo vì hợp với nhiều loại căn tánh: Biệt giáo và Viên giáo nhập vào Thông giáo, cho nên bao hàm khắp mà chọn lấy Can tuệ địa. Nếu là độn căn thì đối với bát nhơn địa và kiến địa là “sơ điểm địa”, còn hạng lợi căn thì đối với Can tuệ địa có khả năng đoạn trừ kiết cho nên gọi là “Sơ Điểm địa”.

Hỏi: Người có căn tánh lạnh lợi lẽ ra không có mười địa?

Đáp: Đều có đầy đủ nhưng vì có căn tánh lạnh lợi cho nên không bị hạn chế ở địa vị.

Hỏi: Biệt giáo và Viên giáo không có hạng người lợi căn?

Đáp: Tuy có hạng độn căn và lợi căn nhưng vì căn tánh thuần nhất cho nên chỉ tạo ra một thuyết thích nghi như đây.

Vị cây lớn tức là địa vị của Biệt giáo và được phân chia làm ba: 1. Nêu ra kinh luận bất đồng; 2. Tổng nêu ra địa vị; 3. Riêng biệt nêu ra địa vị. Danh, nghĩa, lý, hoặc, trí, đoạn của Biệt giáo đều được phân định riêng rẽ. Đây là ước định nhân duyên giả danh, hằng sa Phật pháp, Như Lai tạng, lý thường trụ, Niết-bàn thuộc Vô lượng Tứ đế mà luận địa vị thứ tự. Tứ đế vô lượng gồm có bốn loại: Có “Vô lượng Tứ đế” không hàng phục phá trừ Trần-sa và không hàng phục phá trừ vô minh; có Vô lượng Tứ đế chính là phá Trần-sa cũng phá vô minh có “Vô lượng Tứ đế” chỉ phụ trợ hàng phục phá trừ “Trần-sa” mà không hàng phục phá trừ vô minh, có “Vô lượng Tứ đế” chính là hàng phục phá trừ Trần-sa, cũng hàng phục vô minh. Thế nào gọi là vô lượng không hàng phục, phá trừ Trần-sa và vô minh? Nếu là đạo hàng phục của Tam tạng giáo thì có mười sáu đế quán. Nếu “hoặc” gây chướng ngại Chơn đế có vô lượng loại, nhưng đây chỉ là hàng phục Kiến Tư hoặc không có liên quan gì đến Trần-sa. Cũng như Thế trí phân biệt của ngoại đạo chẳng phải là hàng phục Kiến Tư hoặc. Thế nào gọi là Vô lượng Tứ đế chỉ

phụ trợ hàng phục và phá trừ? Nếu địa thứ bảy của Thông giáo ra khỏi “giả quán” phân biệt rõ thuốc và bệnh thì đây là hỗ trợ diệt đi ở bên trong giới chứ chẳng phải chính thức hàng phục, phá trừ. Thế nào gọi là Vô lượng Tứ đế chính thức hàng phục, phá trừ Trần-sa? Đây là quan điểm phân biệt của Biệt giáo về bên trong bên ngoài của Tứ đế có vô lượng loại tức là: hàng phục, phá trừ Trần-sa, cũng hàng phục vô minh thì mới có nghĩa phá trừ vô minh. Nay căn cứ vào sự mà gọi tên hàng phục vô minh cho tiện. Thế nào là Vô lượng Tứ đế hàng phục, phá trừ vô minh? Nếu là ba đế của Viên giáo thì đều chiếu soi sự lý của pháp giới một cách rõ ràng nhằm phá trừ “vô minh của tự địa” và hàng phục “vô minh: ở địa trên. Vô lượng Tứ đế của Biệt giáo chẳng phải hai loại Tứ đế trước cũng chẳng phải một loại Tứ đế sau mà chính là căn cứ trong hàng hà sa Phật pháp để gọi tên. Tuy nhiên, thật sự duyên thông suốt “các loại Tứ đế” thứ tự để luận mà cũng không phải không có chính phụ. Tâm ban đầu duyên với các Vô lượng Tứ đế nhằm phát tâm thế nguyện. Ban đầu chính là dùng “sinh diệt Tứ đế” chung hàng phục Kiến Tư phụ trợ tu thêm ba loại Tứ đế kia. Kế đến dùng Vô sinh Tứ đế phá trừ Kiến Tư chung, và phụ trợ thêm hai loại Tứ đế. Kế tiếp, chính thức dùng Vô lượng Tứ đế phá trừ Trần-sa bên trong và bên ngoài giới. Kế tiếp, chính thức dùng Vô tác Tứ đế hàng phục vô minh. Đã có các cấp độ sai biệt của vô lượng như vậy cho nên kinh luận nêu ra danh số đoạn trừ và hàng phục cao thấp, mà đối với các pháp môn đa phần đều có sự bất đồng. Hoa Nghiêm nêu ra “bốn mươi một địa” tức là ba mươi tâm, mười địa và Phật địa, kinh Anh Lạc nêu ra “năm mươi hai vị; kinh Nhân vương nêu ra năm mươi một vị, kinh Tân Kim Quang Minh chỉ nêu ra Phật quả của mười địa, Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã nêu ra mười bốn nhẫn, Đại Phẩm chỉ nêu ra mười địa, Niết-bàn nêu ra năm hạnh và mười thứ công đức. Tất cả đều căn cứ ở nghĩa phối hợp với vị mà vẫn không nêu tên ra, như chỉ nêu ra ba mươi tâm, mười địa và Phật địa. Lại nữa, Thập Địa Luận, Nhiếp Đại Thừa Luận. Địa Trì Luận. Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, Đại Trí Độ Luận đều giải thích địa vị của Bồ-tát nhưng ít nhiều nêu ra có sự bất đồng v.v... Lại nữa, việc đoạn trừ và hàng phục cao thấp cũng khác. Đối với vị hành của các pháp môn cũng lại sai biệt. Sở dĩ như vậy là vì đã nói rõ hành vị của Bồ-tát thuộc hai thân sanh pháp bên trong và bên ngoài giới. Như lai phương tiện dùng bốn Tất đàn giáo hóa chúng sanh bên trong thế giới tùy căn cơ mà đem lại lợi ích cho họ, lẽ nào lại nói nhất định? Nếu không rộng tìm kiếm trong kinh luận thì như người không có mắt mà bàn cãi về mặt trời. Nay

nếu nêu ra số vị thì phải nương vào kinh Anh Lạc và Nhân Vương. Nếu nói rõ việc đoạn trừ và hàng phục cao thấp thì phải nêu y cứ vào ba pháp quán của Đại Phẩm. Nếu muốn nói rõ pháp môn đối trị thì nêu y cứ vào kinh Niết-bàn. Việc dùng ý của các kinh là để cùng thành tựu hai môn Quán, Giáo của tâm ban đầu khiến trở nên rõ ràng. Phật ở địa vị trên các Thánh chẳng phải hàng phàm phu có khả năng thấu triệt thì đâu thể là vọng nói! Người biết đại ý thô thiển thì cũng phá được tâm tăng thượng mạn của người tu hành. Vả lại vì để tiêu hóa kinh văn, dẫn dắt chúng sanh mong cầu hướng đến thì không nên thiên lệch cố chấp thị phi đó vậy!

Nay phán quyết “vị, danh, số” mà nương vào kinh Anh lạc và Nhân vương để nói tức là kinh, Hoa nghiêm Đốn giáo đa phần nêu ra việc đoạn trừ viên mãn của bốn mươi một địa mà không nêu ra tên gọi “thập tín”. Các kinh đại thừa đa phần nêu ra các pháp môn mà không chính nói địa vị. Bát-nhã của bốn thời trước đa phần nêu ra ý về pháp môn quán hành của Bồ-tát mà cũng không chính nêu địa vị. Nay cho rằng danh nghĩa của năm mươi hai địa vị thuộc kinh Anh lạc hoàn chỉnh e là tổng kết địa vị Biệt và Viên của các kinh đại thừa Phương đẳng v.v... kinh Nhân vương, Bát-nhã nêu ra năm mươi một vị, e là tổng kết thành địa vị Viên và Biệt của Bát-nhã thuộc bốn thời trước. Kinh Pháp Hoa chỉ khai mở Quyền trí mà hiển bày Thật trí tức một địa vị viên dung. Đại ý của Niết-bàn cũng nêu ra hai địa vị Viên và Biệt nhưng không nêu ra danh mục v.v...

Nói đoạn phục cao thấp y cứ vào ba pháp quán của Đại Phẩm tức là “nghĩa thứ đệ”. Đối pháp môn quán hạnh thì nương vào năm hạnh của kinh Niết-bàn tức là để thích nghi vào đạo ở đời sau (mạt pháp). Vì sao? Vì Biệt giáo nói rõ quán hành có hai loại: Một là: Nói cho hàng Bất cộng Nhị thừa. Như Hoa Nghiêm, Thập Địa Luận, Địa Trì Luận nói về chín loại giới, định, tuệ, và Nhiếp đại thừa Luận v.v... Hai là nói cho hàng Cộng Nhị thừa tức như Phương Đẳng, Trung Luận, Đại Phẩm, Thích Luận v.v... Nay năm hạnh của Niết-bàn là nói từ phàm phu đến quả vị tối cực cho nên nêu ra công dụng của hành làm chính cho đời sau.

Việc tổng kết nói rõ địa vị của Bồ-tát tức ước định ở ba kinh:

1. Ước định vào kinh Anh Lạc để nói rõ số vị tức kinh này nêu ra có bảy vị: Thập tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác. Tâm ban đầu của “Thập tín” tức là Ngoại phàm, cũng là Can tuệ địa của Biệt giáo, cũng gọi là địa vị Phục nhĩn.

Thập Trụ tức là chủng tánh tích tập. Từ địa vị này cho đến hết ba mươi tâm đều là vị Giải hành tức Nội phạm của Biệt giáo, cũng là Tánh địa, cũng gọi là địa vị Nhu thuận nhãn. Nếu ước định theo nghĩa của Biệt giáo suy diễn thì nên bắt đầu như Noãn pháp. Thập Hạnh tức là Tánh chủng tánh, suy diễn theo nghĩa Biệt giáo phải là Đảnh pháp. Thập hồi hướng tức là Đạo chủng tánh. Nếu ước định theo nghĩa của Biệt giáo để tìm hiểu thì phải như Nhãn pháp “Thế Đệ nhất pháp”. Hỏi: Nay nêu ra Biệt giáo tại sao dùng tên gọi của bốn thiện căn? Đáp: Vì mười địa của Biệt giáo đã đối với bốn quả. Nay dùng phương tiện phỏng theo bốn thiện căn thì đâu có lỗi? Vả lại, Thông giáo thông suốt đối với hai cách giải thích Chơn và Tương tự của Thông giáo và Biệt giáo nên đây so với quyết nghị ở nghĩa được rõ ràng. Thập địa tức là Thánh chủng tánh. Mười địa này, đều nhập vào bốn quả Thánh vị của Biệt giáo thấy đều đoạn trừ vô minh, Kiến hoặc và Tư hoặc riêng biệt. Đẳng giác tức là tánh “Đẳng giác”. Nếu so với Bồ-tát thì gọi là Đẳng giác Phật. Nếu nhìn ở phương diện “Phật địa” thì gọi là Bồ-tát thuộc tâm kim cang, cũng gọi là Bồ-tát Vô cấu địa. “Diệu giác” tức là tánh Diệu giác là là quả vị Bồ-đề rốt ráo của Phật, là quả Đại Niết-bàn.

2. Ước định vào Đại Phẩm và ba pháp quán hợp thành địa vị để nói rõ đoạn trừ và hàng phục cao thấp tức là theo như Đại Phẩm Bồ-tát muốn đầy đủ đạo tuệ phải học Bát-nhã. Tức từ Thập tín này tu tập theo giả quán mà vào không quán để hàng phục “ái kiến hí luận” muốn đi vào Thập Trụ. Nếu đạt được Thập Trụ tức đoạn trừ Kiến Tư của giới nội. Nếu muốn dùng Đạo tuệ khiến đầy đủ Đạo chủng tuệ thì phải học Bát-nhã. Đây tức là tu tập từ Không quán mà nhập vào Giả quán tức Thập Hạnh vậy. Nếu muốn dùng Đạo chủng tuệ để hoàn thiện đầy đủ Nhất thiết trí thì phải học Bát-nhã. Đây tức là tu tập chánh quán của Trung đạo đi vào địa vị Thập hồi hướng. Nếu muốn dùng Nhất thiết trí hoàn thiện Nhất thiết chủng trí thì phải học Bát-nhã. Đây tức là dùng chứng quán Trung đạo đi vào Thập địa. Nếu muốn dùng Nhất thiết chủng trí đoạn trừ tập phiền não thì phải học Bát-nhã. Đây tức là địa vị Đẳng giác. Tập vô minh phiền não đã được đoạn sạch thì gọi đó là Phật hay Diệu giác.

3. Ước định vào kinh Niết-bàn nói Thánh hạnh hợp thành vị. Tức là ban đầu nói rõ Thánh hành thuộc giới và định chính là Thập tín. Thánh hạnh thuộc tuệ của bốn Chơn đế Sanh diệt và vô sanh diệt tức là Thập Trụ, tuệ của bốn Thánh đế vô lượng tức là Thập Hạnh, tu Tứ đế Vô tác của một Thật đế tức là Thập hồi hướng. Kế đến, nếu phát khởi

chơn thật thấy một Thật đế và chứng bốn Thánh đế vô tác tức là Thánh hạnh viên mãn mà cư trú ở địa vị Vô úy. Nếu đạt được hai mươi lăm thứ Tam muội có khả năng phá trừ hai mươi lăm cõi thì gọi là Hoan hỷ địa với năm hạnh đầy đủ. Kế tiếp, nói về mười thứ công đức e rằng đó tiêu biểu cho sự an trú ở công đức của mười địa thuộc Đại Niết-bàn. Vượt qua cấp độ này thì hiển bày Phật nhãn rõ ràng thấy khắp tức địa vị Diệu giác. Ba kinh đã giải thích về bảy vị, ngoài ra có thể tìm ở bản kinh. Như vậy, đã trình bày xong “vị cây lớn”.

